

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK
HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/03/2025

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Nurm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Hiền và bà Phạm Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ D, sinh năm 1993; Địa chỉ: 3 T, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/09/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ D trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến tháng 12 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống và công việc,

vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay, hiện nay vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Nay chị Cao Thị Mỹ D thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- *Về con chung*: Chị Cao Thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh T có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/12/2011 và cháu Nguyễn Cao Minh Q, sinh ngày 02/3/2018. Chị D yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:***

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ D về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/12/2011 và cháu Nguyễn Cao Minh Q, sinh ngày 02/3/2018 cho chị Cao Thị Mỹ D chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng tiền để nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Nguyễn Minh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum vào ngày 25/7/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Cao thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị Cao thị Mỹ D trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống đến tháng 12 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh Nguyễn Minh T không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Tại phiên tòa chị Cao thị Mỹ D khẳng định hiện nay giữa chị và anh Nguyễn Minh T không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, không quan tâm chăm sóc cho nhau, phần ai người ấy sống nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh T để giải thoát cho nhau. Tại biên bản làm việc ngày 25/11/2024, bà Phạm Thị Tuyết M, là mẹ đẻ của anh Nguyễn Minh T khai: Quá trình chung sống thì anh T chơi bời, phá tán tài sản của gia đình thì đến năm 2020 vợ chồng sống ly thân, hiện tại hai con chung thì đang sống cùng chị D. Việc chị D xin ly hôn thì bà M có biết, còn việc anh T không chịu đến tòa án làm việc dù đã được tòa án đến nhà đưa giấy tờ thì đây là quyền của con nên bà không ý kiến, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì các con sống ly thân không ai quan tâm ai cả 3 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay chị Cao thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị Cao thị Mỹ D và anh Nguyễn Minh T không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Cao thị Mỹ D với anh Nguyễn Minh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị Mỹ D có nguyện vọng được nuôi 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/12/2011 và cháu Nguyễn Cao

Minh Q, sinh ngày 02/3/2018 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay các con chung đang sống cùng chị Cao Thị Mỹ D1, yêu cầu của Cao Thị Mỹ D về việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ D đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/12/2011 và Nguyễn Cao Minh Q, sinh ngày 02/3/2018 cho chị Cao Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Cao Minh Q trưởng thành, sống tự lập được. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001444 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- CCTHA dân sự huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Quách Văn Nurm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Nurm